

Số: 705 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân và tổ chức
bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư
Hiệp Vinh 2 (đợt 22)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB đối với 04 dự án tại Khu Đô thị Becamex A thuộc Phân khu 07, Khu Kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 27/TTr-HĐBT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 22), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **8.797.774.102 đồng** (Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, một trăm lẻ hai đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 8.625.268.728 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 172.505.375 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN VÀ TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7),
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 22)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi do đặc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Thưởng đẩy nhanh GPMB	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m²)	Diện tích thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19= (13+..+18)
I	Đất của hộ gia đình, cá nhân			14		151.050,7	127.317,7	23.733,0				2.594.753.300	2.019.100.200	2.106.000	3.197.431.178	805.878.050	6.000.000	8.625.268.728
1	Nguyễn Văn Hà	số 157 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn		202	3	20.051,3	17.607,4	2.443,9	CLN	1	5	404.970.200	0		1.600.988.728	127.092.600	1.500.000	2.134.551.528
2	Nguyễn Văn Tâm	số 157 Nguyễn Thái Học, thành phố Quy Nhơn		201	3	20.054,9	20.054,9	0,0	CLN	1	5	461.262.700	0		1.140.833.644	14.898.500	1.500.000	1.618.494.844
3	Huỳnh Ngọc Lân (chết), vợ Trương Thị Hiền	Hiệp Vinh 1		19	21	1.212,6	1.212,6	0,0	HNK	1	3	53.354.400	160.063.200			12.732.300		226.149.900
4	Trần Văn Thành, con Trần Văn Kỳ ĐĐKK	Hiệp Vinh 2		328	2	29.912,8	29.912,8	0,0	RSX	2	1	418.779.200	628.168.800	0	29.475.745	219.635.300		1.296.059.045
5	Trần Đình Hưng (chết), vợ Phạm Thị Lưới	Hiệp Vinh 1		18	21	540,1	540,1	0,0	NHK	1	3	23.764.400	71.293.200			5.671.050		100.728.650
6	Nguyễn Thị Thừa, đồng quyền sở hữu tài sản: Lê Quang Vũ, Lê Thị Thu Hiền, Lê Thị Thảo Trang.	105 Vũ Bảo, Quy Nhơn		117	3	47.823,2	32.762,1	15.061,1	CLN	1	5	741.860.400				209.006.700		950.867.100
7	Nguyễn Văn Ba (chết), vợ Võ Thị Sương	Hiệp Vinh 2	1	130	21	370,8	370,8	0,0	RSX	2	1	5.219.200	7.870.800	0		2.454.900		15.544.900
				368	21	1.779,9	0,8	1.779,1	LUK	1	6							
8	Nguyễn Văn Hùng, vợ Nguyễn Thị Hữu	Hiệp Vinh 2		145	21	2.356,7	2.052,5	304,2	LUK	1	6	71.837.500	215.512.500		26.113.900	42.020.500	1.500.000	356.984.400

[illegible]

0

5.191.200	-28.000	7786800
28.000	28.000	84000
71.837.500	0	215512500

30.745.400	-155.344.000	46118100
155.344.000	155.344.000	233016000
152.375.000	-67.792.900	874500000
9.745.400	9.745.400	14618100
58.047.500	58.047.500	174142500
7.448.000	0	11172000

0